

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 117/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 12-5-2021.

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA TỈNH LONG AN**

-Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Quyên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Văn Việt.

2. Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương - là cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa (toạ lạc tại Khu B, thị trấn Hậu Nghĩa) tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1304/2020/TLST-HNGĐ ngày 30/11/2020 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh L (vắng mặt).

Bị đơn: Anh Đỗ Văn N, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 24/11/2020 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Mai Thị T trình bày: Chị và anh Đỗ Văn N sống với nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc. Thời gian gần đây bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, chị và anh N không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị và anh N sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn

gắn nên chị xin ly hôn anh N, vì bận công việc nên chị xin vắng mặt tại các phiên xét xử của Tòa án.

Về con chung: Đỗ Đình N, sinh ngày 22/3/2017, con hiện đang sống với chị, sau khi ly hôn chị xin được quyền nuôi con, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Đỗ Văn N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến và không có ý kiến phản hồi về yêu cầu xin ly hôn của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Mai Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Văn N, anh N hiện có hộ khẩu thường trú tại xã Hòa Khánh Đông, huyện Đức Hòa nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý là Tộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N đã được tổng đạt các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng anh N vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị T và anh Đỗ Văn N chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân giữa chị T và anh N được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống, chị T và anh N phát sinh mâu Tăn do bất đồng quan điểm. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T xin ly hôn anh N, anh N không phản hồi ý kiến của chị T.

[3] Xét thấy chị T và anh N chung sống với nhau, phát sinh mâu Tăn nhưng không được gia đình hai bên và chính quyền địa phương giải quyết. Chị T và anh N không tự khắc phục được mâu Tăn nên đề mâu Tăn vợ chồng ngày càng trầm trọng, dẫn đến sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay. Từ khi sống ly thân tới nay, anh N cũng không tìm ra được biện pháp gì để vợ chồng được đoàn tụ, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa xét xử hôm nay, anh N cũng không đến, không có thiện chí để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Do đó, xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh N đã mâu Tăn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không có hạnh phúc, nên chị T xin ly hôn với anh N là phù hợp với Điều 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh N.

Con chung: Đỗ Đình N, sinh ngày 22/3/2017, con hiện đang sống với chị T, sau khi ly hôn chị T xin tiếp tục nuôi. Xét thấy, cháu Nguyên đang sống

với chị T ổn định, cháu phát triển bình thường. Anh N cũng không có ý kiến phản hồi về việc chị T xin được nuôi con khi ly hôn, nên thấy cần thiết để cho chị T tiếp tục nuôi cháu Nguyên là phù hợp. Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000đ.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có nên không đề cập đến. Đối với anh N không phản hồi ý kiến yêu cầu xin ly hôn của chị T nên không thể hiện có tài sản chung và nợ chung. Nếu sau này có tranh chấp, sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Đỗ Văn N chịu án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị T đối với anh Đỗ Văn N về việc “ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị T được ly hôn với anh Đỗ Văn N.

- Việc nuôi con: Chị Mai Thị T được quyền tiếp tục nuôi Đỗ Đình N, sinh ngày 22/3/2017, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000đ, thời gian cấp dưỡng từ tháng 06 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con

2. Về án phí: Chị Mai Thị T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Đỗ Văn N chịu 300.000đ án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sung công quỹ nhà nước. Chị T được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai T số 0006937 ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để xin xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- TAND tỉnh Long An;
- UBND xã H;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Quyên